

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách xã năm 2024
trước khi trình kỳ họp thứ 7 HĐND xã khóa XX

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HOÀNG DIỆU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Xét đề nghị của Công chức Tài chính - kế toán xã Hoàng Diệu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của xã Hoàng Diệu trước kỳ họp HĐND xã thứ 7 khóa XX (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Thời gian công khai 5 ngày kể từ ngày 25/12/2023

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Hoàng Diệu, Công chức Tài chính-Kế toán tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Du

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	6.568.000	TỔNG SỐ CHI	6.568.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	111.000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	279.000	II. Chi thường xuyên	6.168.000
III. Thu bổ sung	6.178.000	III. Dự phòng	
- Bổ sung cân đối ngân sách	6.178.000		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023 (năm hiện hành)		DỰ TOÁN NĂM 2024		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	7.049.026	7.049.026	6.568.000	6.568.000	93,18	93,18
I	Các khoản thu 100%	813.791	813.791	111.000	111.000	13,64	13,64
1	Phí, lệ phí	15.529	15.529	20.000	20.000	128,80	128,80
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	771.595	771.595	66.000	66.000	8,55	8,55
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	26.350	26.350				
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	318	318	25.000	25.000	7.872,92	7.872,92
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	690.809	690.809	279.000	279.000	40,39	40,39
1	Các khoản thu phân chia	146.113	146.113	111.000	111.000	75,97	75,97
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	83.377	83.377	75.000	75.000	89,95	89,95
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	19.300	19.300	16.000	16.000	82,90	82,90
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	43.436	43.436	20.000	20.000	46,04	46,04

2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	544.696	544.696	168.000	168.000	30,84	30,84
2.1	Thu tiền sử dụng đất	324.690	324.690				
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	130.940	130.940	120.000	120.000	91,65	91,65
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	89.067	89.067	48.000	48.000	53,89	53,89
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	866.676	866.676				
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.677.750	4.677.750	6.178.000	6.178.000	132,07	132,07
1	Thu bổ sung cân đối	4.596.000	4.596.000	6.178.000	6.178.000	134,42	134,42
2	Thu bổ sung có mục tiêu	81.750	81.750				

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023 (năm hiện hành)			DỰ TOÁN NĂM 2024			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	10.659.055	5.058.705	5.600.350	6.568.000		6.568.000	61,62		117,28
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục	1.186.390	1.166.600	19.790	19.000		19.000	1,60		96,01
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	20.500	1.200	19.300	19.000		19.000	92,68		98,45
4	Chi văn hóa, thông tin	31.450		31.450	31.500		31.500	100,16		100,16
5	Chi phát thanh, truyền thanh	68.234		68.234	87.353		87.353	128,02		128,02
6	Chi thể dục, thể thao	31.450		31.450	31.500		31.500	100,16		100,16
7	Chi bảo vệ môi trường	31.400		31.400	31.500		31.500	100,32		100,32
8	Chi các hoạt động kinh tế	3.438.605	3.376.005	62.600	59.500		59.500	1,73		95,05
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.302.804	514.900	4.787.904	5.811.647		5.811.647	109,60		121,38
10	Chi cho công tác xã hội	81.269		81.269	477.000		477.000	586,94		586,94

11	Chi khác	466.953		466.953					
12	Dự phòng								